**BÀI 7. THỦY VĂN VIỆT NAM**

*Môn học: Địa lí 8*

*Thời lượng: 3 tiết*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

- Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

-Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ làm việc theo nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện ra vấn đề, đề xuất và lựa chọn giải pháp phù hợp.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Trình bày được đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông của một số hệ thống sông lớn.

- Xác định được trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.

- Phân tích được vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đối với sản xuất và sinh hoạt.

- Phân tích được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông.

**3. Về phẩm chất:**

- Ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ sự trong sạch của nguồn nước sông, hồ, đầm, nước ngầm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí VN.

- Hình 7.1. Bản đồ các lưu vực hệ thống sông ở VN. Bảng 7. Một số hệ thống sông lớn ở Việt Nam.

- Phiếu học tập, bảng phụ

**2. Học sinh (HS):**

-SGK, vở ghi.

- Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí 8 - Phần Lịch sử, phần Địa lí.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động Mở đầu (Khởi động) (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống học tập nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”

***c. Sản phẩm*:** HS tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV có thể chọn 1 trong 2 trò chơi

Trò chơi 1. Gv phổ biến thể lệ cuộc chơi:

- Các em sẽ ghi tên các con sông ở Việt Nam mà các em biết được lên bảng, trong thời gian 1 phút 30 giây, HS nào ghi tên con sông nhiều nhất sẽ giành chiến thắng.

- GV lần lượt chọn các em học sinh tham gia trò chơi.

Trò chơi 2.

\* GV lần lượt đặt các câu đố về tên sông cho HS trả lời:

1. Sông gì đỏ nặng phù sa? Sông Hồng

2. Sông gì lại được hóa ra chín rồng? Sông Cửu Long

3. Làng quan họ có con sông, Hỏi dòng sông ấy là sông tên gì? Sông Cầu

4. Sông tên xanh biết sông chi? Sông Lam

5. Sông gì tiếng vó ngựa phi vang trời? Sông Mã

6. Sông gì chẳng thể nổi lên. Bởi tên của nó gắn liền dưới sâu? Sông Đáy

**Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS dựa vào kiến thức đã biết của mình ghi tên con sông. Hoặc trả lời câu hỏi Gv đặt ra.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV có thể gọi HS nêu hiểu biết của mình về 1 số con sông này ( nếu có thể)

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

\* Gv nêu thêm kiến thức về 1 số con sông trên..

**Bước 4.** **Kết luận và nhận định.** Qua trò chơi trên phần nào đã phản ánh được Việt Nam là một trong những quốc gia có hệ thống sông ngòi dày đặc, bên cạnh đó nước ta còn có nhiều hồ, đầm và lượng nước ngầm phong phú. Đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông ở nước ta có sự phụ thuộc chặt chẽ vào địa hình và khí hậu. Vậy mạng lưới sông ở nước ta có các đặc điểm gì? Hệ thống hồ, đầm vfa nước ngầm Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (110 phút)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **Hoạt động 1. Tìm hiểu về đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông (65 phút)**  ***a. Mục tiêu*:** HS nêu được các đặc điểm cơ bản của sông ngòi Việt Nam và chế độ nước sông  ***b. Nội dung*:** Quan sát bản đồ hình 7.1 SGK tr115 hoặc Atlat ĐLVN, các hình ảnh kết hợp kênh chữ SGK tr 114-117, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.  ***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **NHIỆM VỤ 1: CẶP ĐÔI**  **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 7.1 hoặc Atlat ĐLVN, kết hợp thông tin trong bài và kiến thức đã học, trả lời câu hỏi sau:  1. Xác định trên bản đồ lưu vực của các hệ thống sông lớn.  2. Trình bày đặc điểm mạng lưới sông ngòi nước ta?  3. Xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng TB-ĐN và vòng cung  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 7.1 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Kết hợp kỹ năng chỉ bản đồ về các lưu vực sông.  HS nêu các đặc điểm chính của sông ngòi VN.  - Mạng lưới sông ngòi dày đặc .  - Sông ngòi chảy theo 2 hướng chính.(TB-ĐN và vòng cung)  - Chế độ nước chảy theo 2 mùa lũ và cạn.  - Sông có lượng phù sa lớn.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi HS có câu trả lời, GV lần lượt gọi xác định các lưu vực sông trên bản đồ.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  Gv nêu thêm các câu hỏi mở rộng cho HS trả lời  **3.** - HS xác định trên bản đồ các sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Tiền... và vòng cung: sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam.  GV mở rộng:  Nước ta có hơn 70% tổng diện tích các lưu vực sông nằm ngoài đường biên giới quốc gia. Trong tổng số 839 tỉ m3 nước mỗi năm trên các sông suối, chỉ có khoảng 38,6% được cung cấp bởi các lưu vực trong nước, phần lớn còn lại được chảy từ lưu vực nằm bên ngoài lãnh thổ. | **I. Đặc điểm mạng lưới sông và chế độ nước sông**  ***1.* Đặc điểm mạng lưới sông**  - Việt Nam có mạng lưới sông ngòi dày đặc phân bố rộng khắp trên cả nước với 2360 con sông dài trên 10km.  - Sông có hai hướng chính là tây bắc - đông nam và vòng cung.  - Chế độ nước sông có hai mùa: mùa lũ và mùa cạn.  - Sông ngòi nước ta có lượng phù sa lớn (khoảng 200 triệu tấn/năm). |
| **NHIỆM VỤ 2: NHÓM**  **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV chia lớp làm 6 nhóm , yêu cầu HS chuẩn bị trước ở nhà tìm hiểu về các hệ thống sông để thuyết trình về 3 hệ thống sông lớn ở nước ta.  Các nhóm chuẩn bị, có thể sử dụng Powerpoint, sơ đồ tư duy, tranh ảnh minh họa, bản đồ, số liệu thống kê…. để hoàn thành sản phẩm được giao kèm thêm kiến thức mở rộng , thời lượng trình bày 5 phút  1. Nhóm 1,2 : Sông Hồng  2. Nhóm 3,4: Sông Thu Bồn  3. Nhóm 5,6: Sông Cửu Long  **Bước 2.** **Thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS tìm kiếm tư liệu kết hợp SGK để hoàn thiện sản phẩm sáng tạo theo ý muốn  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, các nhóm khác nhận xét và có thể đặt câu hỏi cho nhóm bạn.  **Bước 4.** **Đánh giá, nhận định:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. Có thể cho điểm và tuyên dương nhóm làm tốt nhất.  Gv có thể đặt thêm câu hỏi. Tại sao mùa lũ trên các hệ thống sông có sự khác nhau?  GV mở rộng thêm | **2. Chế độ nước của một số hệ thống sông lớn**  ***\* Hệ thống sông Hồng***  - Đặc điểm mạng lưới sông: Là hệ thống sông lớn nhất phía Bắc nước ta. Có nhiều chi lưu kết nối với hệ thống sông Thái Bình trước khi đổ ra biển.  - Chế độ nước sông: khá đơn giản mùa lũ dài khoảng 5 tháng chiếm khoảng 75% tổng lượng nước cả năm.  ***\* Hệ thống sông Thu Bồn***  - Đặc điểm mạng lưới sông: là hệ thống sông lớn ở duyên hải miền Trung nước ta. Có hơn 80 phụ lưu  - Chế độ nước sông: Mùa lũ kéo dài 3 tháng vào thu đông chiếm khoảng 65% tổng lượng nước cả năm.  ***\* Hệ thống sông Cửu Long***  - Đặc điểm mạng lưới sông ngòi: là phần chảy thuộc hạ lưu HT sông Mê Công, khi vào lãnh thổ Việt Nam chia thành 2 nhánh là sông tiền, sông Hậu.  - Chế độ nước sông: khá đơn giản điều hòa với mùa lũ khoảng 5 tháng chiếm khoảng 75- 80% tổng lượng nước cả năm. |
| **Hoạt động 2. Tìm hiểu về**  **hồ, đầm và nước ngầm (30 phút)**  ***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được vai trò của hồ, đầm đối với sản xuất và sinh hoạt.  ***b. Nội dung*:** Quan sát hình 7.4 SGK tr118 hoặc Atlat ĐLVN và các hình ảnh kết hợp kênh chữ SGK tr118-119, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.  ***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Bước 1.** **Chuyển giao nhiệm vụ:**  \* GV chia lớp thành các nhóm tương ứng yêu cầu HS đọc thông tin trong bài, lần lượt kể tên một số hồ, đầm ở vN và so sánh vai trò của hồ, đầm và nước ngầm đem lại cho sản xuất và đời sống theo phiếu học tập bên dưới (kèm dẫn chúng nếu có )   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tác động** | *Hồ, đầm* | *Nước ngầm* | | *Đối với sản xuất* |  |  | | *Đối với sinh hoạt* |  |  |   **Bước 2.** **thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 6.8, 6.9 hoặc Atlat ĐLVNvà đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo, thảo luận:**  \* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình  HS nêu vài trò của hồ đầm dựa vào SGK cùng kiến thức thực tế địa phương  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Kết luận, nhận định**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng mục em có biết cho HS** | **II. Hồ, đầm**  - Đối với sản xuất:  + Nông nghiệp: cung cấp nước cho trồng trọt và chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt thuỷ sản. (Hồ Dầu Tiếng…)  + Công nghiệp: phát triển thuỷ điện, cung cấp nước cho các ngành công nghiệp. ( Hồ Trị An, Hồ Hòa bình…)  + Dịch vụ: có giá trị về giao thông, phát triển du lịch.  - Đối với sinh hoạt:  + Phục vụ nhu cầu nước trong sinh hoạt.  + Đảm bảo an ninh nguồn nước.  **III. Nước ngầm**  - Đối với sản xuất:  cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ: (Một số nguồn nước nóng, nước khoáng được khai thác để chữa bệnh và phát triển du lịch nghỉ dưỡng.)  - Đối với sinh hoạt: là nguồn nước quan trọng phục vụ cho sinh hoạt của người dân. |
| **Hoạt động 3.Tìm hiểu về Tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông (15 phút)**  ***a. Mục tiêu*** HS lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.  ***b. Nội dung*:** Quan sát hình 7.5 kết hợp kênh chữ SGK tr 119-120 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.  ***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.  ***d. Tổ chức thực hiện:*** | |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 7.5 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Nêu giá trị của sông ngòi đối với sản xuất và sinh hoạt.*  *2. Tại sao phải sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông?*  *3. Lấy ví dụ chứng minh được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở một lưu vực sông.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 7.5 và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Phát triển thuỷ điện, du lịch, cung cấp nước sinh hoạt, cho sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, phát triển giao thông đường thủy, nuôi trồng thủy sản.  2.  - Đảm bảo sử dụng hợp lí nguồn nước, tránh gây ô nhiễm môi trường.  - Đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, gắn kết, hợp tác giữa các địa phương trong lưu vực về việc sử dụng tài nguyên nước.  3. Ở lưu vực sông Hồng có hồ Hòa Bình xây dựng với nhiều mục đích: phát triển thuỷ điện, tham quan du lịch bằng thuyền, du lịch và nuôi cá lồng trên hồ thủy điện.  Các hồ chứa nước này góp phần quan trọng vào việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông Hồng, đồng thời bảo vệ tài nguyên nước trước nguy cơ suy giảm về chất lượng và số lượng.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **IV. Tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp tài nguyên nước ở lưu vực sông**  - Đảm bảo sử dụng hợp lí nguồn nước, tránh gây ô nhiễm môi trường.  - Đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, gắn kết, hợp tác giữa các địa phương trong lưu vực về việc sử dụng tài nguyên nước. |

**3. Hoạt động luyện tập (10 phút)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hoàn thành các câu hỏi sau

*Vẽ sơ đồ thể hiện đặc điểm mạng lưới sông ngòi nước ta?*

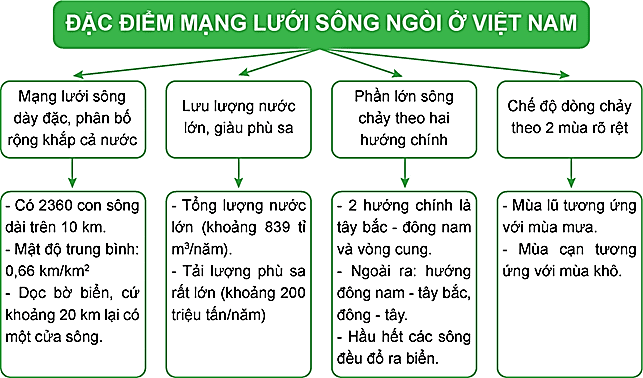
**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:



**Bước 4.** **Kết luận, nhận định**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Kể tên và trình bày vai trò của một hồ tự nhiên hoặc hồ nhân tạo mà em biết ở địa phương em hoặc ở nước ta.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào kiến thức đã học, tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

Hoàn thành bài làm ở nhà theo nội dung mà GV phân công

**Bước 4.** **Kết luận, nhận định:**

GV dặn dò HS tiết sau trình bày bài làm.

- Hồ Dầu Tiếng là hồ thủy lợi xây dựng trên sông Sài Gòn, thuộc địa phận tỉnh Tây Ninh rộng 270 km2, chứa 1,5 tỉ m3 nước.

- Vai trò:

+ Đảm bảo nước tưới vào mùa khô cho hàng trăm nghìn héc-ta đất nông nghiệp thuộc các tỉnh: Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Tận dụng diện tích mặt nước và dung tích hồ để nuôi cá.

+ Phát triển du lịch.

+ Cải tạo môi trường, sinh thái.

+ Cấp nước cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất công nghiệp trong vùng khoảng 100 triệu m³ mỗi năm.